TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33** /2018/HNST
Ngày: 08/6/2018
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Thuở.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Dương Thị Thanh Thúy
2. Bà Trần Ngọc Diệp.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Đình Thảo.
-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp -Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1992 (có mặt).
Địa chỉ: 58/45, ấp Gia Phước, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: A Nguyễn Trung H, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: 468, Tổ 12, ấp B, xã BP, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị và A Nguyễn Trung H kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Bến Tre. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị và anh H đã cố gắng hàn gắng nhưng những mâu thuẫn vẫn xảy ra, chị và anh H ly thân hơn 05 năm nay. Chị yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2010, hiện con đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trung H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh không đến nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị T đối với anh Nguyễn Trung H. Chấp nhận yêu cầu của chị T về việc được nuôi cháu Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh ngày 19/8/2010. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Bị đơn anh Nguyễn Trung H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Trung H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký hết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Bến Tre ngày 20 tháng 8 năm 2010 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị cũng đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

[3]Theo lời trình bày của T thì giữa chị và anh H trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống hơn 05 năm nay. Trong thời gian này anh H cũng không quan tâm, liên lạc gì với chị nên chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị quyết định xin ly hôn với anh H.

[3]Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của chị T anh H thật sự đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, các lần Tòa án triệu tập A H đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh H không có thiện chí để đoàn tụ với chị T nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4]Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Huỳnh A sinh ngày 19/8/2010 là con chung của chị T và anh H, cháu đang sống với chị T, được chị chăm sóc tốt, đồng thời cháu Huỳnh A có nguyện vọng sống với chị T. Vì vậy yêu cầu nuôi cháu Huỳnh A của chị T là phù hợp nên chấp nhận. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng cháu Huỳnh A.

[5]Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai giữa chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định người yêu cầu ly hôn phải chịu án phí nên chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị T. Chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

2.Về con chung: Chị Huỳnh Thị T được tiếp tục nuôi các cháu Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2010.

Ghi nhận việc chị Huỳnh Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Trung H cấp dưỡng cháu Huỳnh A.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị T khai giữa chị và anh Nguyễn Trung H không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015533 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. (Chị T đã nộp đủ án phí).

5.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THA DS TP Bến Tre;
-UBND xã B, tp Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở